

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐÀO HÙNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐÀO HÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAO HUNG REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DAO HUNG REAL ESTATE JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110639046

**3. Ngày thành lập:** 05/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 98 Khu Dịch vụ 12,5 ha, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0932.261.978

Fax:

Email: hungbds1987@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Loại trừ Đấu giá                                                                                                                                                                                                          | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                              | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                | 4633     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                              | 4649     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                    | 8220     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Loại trừ hợp báo                                                                                                                                                                                                   | 8230     |
| 7.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                | 8292     |
| 8.  | Cổng thông tin<br>Loại trừ hoạt động báo chí                                                                                                                                                                                                                    | 6312     |
| 9.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn tài chính, kế toán)<br>- Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (Trừ ủy thác đầu tư, ủy thác chứng khoán, ủy thác tài chính). | 6619     |
| 10. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản (Điều 3 Nghị định 02/2022/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bất động sản 2014)                   | 6810     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;<br>- Quản lý sàn giao dịch bất động sản.<br>(Theo Điều 62, Điều 74, Điều 75, Điều 69 Luật Kinh doanh bất động sản 2014) (Loại trừ hoạt động đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất) | 6820(Chính) |
| 12. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7020        |
| 13. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm: quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310        |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Loại trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7320        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ những mặt hàng Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4690        |
| 16. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4719        |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4722        |
| 18. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4723        |
| 19. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Loại trừ Đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4774        |
| 20. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4784        |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Loại trừ:<br>- Đấu giá;<br>- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;<br>- Bán lẻ tem và tiền kim khí.<br>- Kinh doanh vàng miếng                                                                                                                                                                                            | 4789        |
| 22. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4912        |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4933        |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5210        |
| 25. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5224        |
| 26. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5320        |
| 27. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài)                  | 7810        |

|     |                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                    | 8211 |
| 29. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                 | 8219 |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí, vàng miếng) | 4773 |

6. **Vốn điều lệ:** 1.868.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 20.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO QUÍ HÙNG | Thôn Ngự Câu, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 19.622     | 1.832.694.800         | 98,110    | 001087019904                                                                                |         |
|     |              |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                        | Tổng số                   | 19.622     | 1.832.694.800         | 98,110    |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                        |                           |     |            |       |              |
|---|-------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|------------|-------|--------------|
| 2 | TRẦN THỊ HẰNG     | Thôn Ngự Câu, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 189 | 17.652.600 | 0,945 | 001189016933 |
|   |                   |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0          | 0,000 |              |
|   |                   |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0          | 0,000 |              |
|   |                   |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0          | 0,000 |              |
|   |                   |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0          | 0,000 |              |
|   |                   |                                                                        | Tổng số                   | 189 | 17.652.600 | 0,945 |              |
|   |                   |                                                                        |                           |     |            |       |              |
| 3 | ĐÀO QUÝ SINH TÙNG | Thôn Ngự Câu, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 189 | 17.652.600 | 0,945 | 001205012516 |
|   |                   |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0          | 0,000 |              |
|   |                   |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0          | 0,000 |              |
|   |                   |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0          | 0,000 |              |
|   |                   |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0          | 0,000 |              |
|   |                   |                                                                        | Tổng số                   | 189 | 17.652.600 | 0,945 |              |
|   |                   |                                                                        |                           |     |            |       |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO QUÍ HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 17/08/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087019904

Ngày cấp: 05/04/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ngự Câu, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ngự Câu, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội